

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Số: 7.3/2006/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đông Hà, ngày 22 tháng 7 năm 2006

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ KHOÁ V, KỲ HỌP THỨ 7

(Từ ngày 19 đến ngày 22 tháng 7 năm 2006)

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Trên cơ sở xem xét Báo cáo của UBND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2006- 2010 tỉnh Quảng Trị; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

HĐND tỉnh tán thành và nhất trí thông qua Báo cáo của UBND tỉnh về đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2001- 2005; đồng thời quyết nghị các mục tiêu, nhiệm vụ, chỉ tiêu, giải pháp chủ yếu và định hướng phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2006- 2010 như sau:

I. Mục tiêu, định hướng kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm (2006- 2010)

1. Mục tiêu tổng quát:

Đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá- hiện đại hoá, đưa nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững, sớm đưa tỉnh ta thoát khỏi nhóm tỉnh nghèo của cả nước. Phát triển văn hóa- xã hội gắn liền với tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường, tiếp tục cải thiện rõ rệt đời sống vật chất, văn hoá và tinh thần của nhân dân. Hoàn thiện cơ bản kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội, đẩy mạnh cải cách hành chính, thực hành tiết kiệm, phòng chống tham nhũng, lãng phí, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội.

2. Định hướng phát triển:

- Triển khai Đề án quy hoạch tổng thể kinh tế- xã hội. Thực hiện việc quy hoạch và công tác quản lý quy hoạch có hiệu quả; rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch chung, ngành, lĩnh vực. Đảm bảo việc đầu tư tập trung, tính hiệu quả trong đầu tư và sự phát triển có tính bền vững;

- Ưu tiên vốn đầu tư phát triển các vùng động lực để tạo bước đột phá cho nền kinh tế như: Thị xã Đông Hà, Khu kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo, khu vực Cửa Việt- Cửa Tùng, các Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Quán Ngang...;

- Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa- hiện đại hóa, tạo ra các vùng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến như: Vùng nguyên liệu sắn, nguyên liệu gỗ, nhựa thông, cao su, cà phê, hồ tiêu, thủy sản... Phát triển công nghiệp trên cơ sở nhu cầu thị trường, tạo bước tiến rõ rệt về chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của các ngành chế biến nông lâm thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng thành sản phẩm có năng lực cạnh tranh cao;

- Khai thác thế mạnh của các ngành dịch vụ còn nhiều tiềm năng. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao như bưu chính viễn thông, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn, du lịch... Tiếp tục phát triển các ngành vận tải, thương mại; mở rộng và nâng cao sức mua của thị trường nội địa;

- Tăng cường quản lý về tài nguyên và khoáng sản, tiếp tục đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng, quy hoạch việc khai thác vật liệu xây dựng, khoáng sản đáp ứng cho quá trình phát triển;

- Hoàn thành việc sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Tích cực hỗ trợ nhằm phát triển mạnh doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế phát triển;

- Tăng cường ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào sản xuất kinh doanh;

- Đẩy mạnh phong trào xây dựng nền văn hoá đậm đà bản sắc dân tộc ở các địa phương. Hiện đại hoá các phương tiện nghe nhìn, tăng cường công tác đưa thông tin về cơ sở;

- Nâng cao chất lượng giáo dục ở các cấp học, bậc học. củng cố vững chắc kết quả phổ cập THCS, từng bước thực hiện phổ cập giáo dục trung học phổ thông. Tăng cường đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh, nhất là công nhân kỹ thuật lành nghề, cán bộ quản lý và lao động có tay nghề cho sự nghiệp công nghiệp hoá- hiện đại hoá;

- Nâng cao y đức và chất lượng chuyên môn đội ngũ y, bác sĩ; coi trọng y học dự phòng, gắn với chương trình y tế cộng đồng. Phát triển các loại hình chăm sóc sức khỏe nhân dân. Quan tâm công tác khám chữa bệnh cho người nghèo, gia đình chính sách;

- Nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại. Củng cố thị trường đã có, mở rộng thị trường mới. Tạo mọi điều kiện thuận lợi để tăng nhanh xuất khẩu, thu hút vốn, công nghệ từ bên ngoài. Tích cực hội nhập kinh tế quốc tế;

- Khuyến khích các thành phần kinh tế mở rộng ngành nghề, thu hút lao động. Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và tỷ lệ thiếu việc làm ở nông thôn; đảm bảo xóa hộ đói, giảm nhanh số hộ nghèo theo chuẩn quốc gia. Phát triển mạng lưới an sinh xã hội, chăm sóc tốt người có công với nước...;

- Thực hiện các chế độ chính sách đủ mạnh, đặc biệt và phù hợp để điều hành kinh tế- xã hội phát triển. Đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính, đổi mới và nâng

cao hiệu lực của bộ máy quản lý nhà nước. Từng bước đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, sách nhiễu dân; thực hiện việc công khai, minh bạch trong quan hệ với nhân dân và doanh nghiệp. Tập trung nâng cao hiệu quả việc thực hiện trật tự an toàn giao thông và giảm thiểu các vụ tai nạn giao thông...;

- Bảo vệ và cải thiện môi trường, tạo điều kiện phát triển kinh tế- xã hội bền vững và có hiệu quả. Thực hiện tốt nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh; bảo đảm trật tự kỷ cương trong các hoạt động kinh tế- xã hội.

3. Một số mục tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu

a) Về Kinh tế:

Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân hàng năm trên 12%; trong đó: Nông- Lâm- Ngư nghiệp tăng 4%; Công nghiệp- Xây dựng tăng 25%; Dịch vụ tăng 8,4%. Đến năm 2010, GDP bình quân đầu người đạt trên 10 triệu đồng (Tăng hơn 2 lần so với năm 2005);

- Cơ cấu kinh tế tính theo GDP đến năm 2010: Công nghiệp- Xây dựng chiếm khoảng 33- 35%; Dịch vụ 38- 40%; Nông- Lâm- Ngư nghiệp 25- 27%;

- Sản lượng lương thực có hạt bình quân mỗi năm 22,6 vạn tấn;

- Diện tích cà phê: 4.000- 4.500 ha, trong đó cà phê chè: 3.500- 4.000 ha;

- Diện tích cao su: 15.000 ha- 17.000 ha;

- Diện tích hồ tiêu: 3.000 ha;

- Vùng nguyên liệu sắn 10.000 ha;

- Sản lượng thủy sản: 27.000 tấn;

- Vùng nguyên liệu gỗ 14.000 ha;

- Trồng rừng: 4.000- 5.000 ha;

- Tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm 12.500 tỷ đồng, trong đó: Vốn trong nước chiếm 82,3%, vốn nước ngoài chiếm 17,7%;

- Tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 50 triệu USD;

- Kim ngạch nhập khẩu đạt 40 triệu USD;

- Tổng thu ngân sách nội địa tăng bình quân hàng năm: 14- 15%; phấn đấu đến năm 2010 thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 600 tỷ đồng;

- Tổng chi ngân sách địa phương tăng bình hàng năm: 7- 8%, trong đó chi đầu tư phát triển 14- 15%.

b) Về Xã hội:

- Quy mô dân số đến năm 2010 là 676 nghìn người;

- Tỷ lệ phát triển dân số đến năm 2010 là 1,1 %. Giảm tỷ suất sinh hàng năm 0,5- 0,6‰;

- Tạo việc làm mới hàng năm cho trên 8.000 lao động;

- Tỷ lệ hộ nghèo đến năm 2010: Dưới 15%. Bình quân giảm 2,5 - 3%/năm;

- Giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống còn 20%;

- Phấn đấu đạt tỷ lệ chuẩn quốc gia về y tế xã phường 75- 80%;

- Phần đầu 100% cấp xã đạt chuẩn phổ cập THCS, trên 99% số người từ 15- 35 tuổi biết chữ. Phần đầu đến năm 2010 100% huyện, thị có nhà luyện tập thi đấu thể thao.

c) Về Môi trường:

- Tỷ lệ che phủ rừng đạt 43%;

- Tỷ lệ dân cư sử dụng nước sạch ở đô thị là 95%, ở nông thôn là 75%;

- Tỷ lệ các cơ sở sản xuất mới xây dựng phải áp dụng công nghệ sạch hoặc được trang bị các thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải 100%; tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt tiêu chuẩn về môi trường là trên 50%; xây dựng hệ thống xử lý nước thải tại 100% số đô thị loại 3, 50% số đô thị loại 4; 80-90% chất thải rắn, 100% chất thải y tế được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.

II. Những nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển kinh tế- xã hội 5 năm (2006- 2010)

1. Phát triển Kinh tế

1.1. Sản xuất Nông nghiệp:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình sản xuất lương thực, thực phẩm; chương trình phát triển cây công nghiệp; chương trình chăn nuôi theo hướng đẩy mạnh sản xuất hàng hoá; chương trình bảo vệ và phát triển vốn rừng. Sản xuất nông nghiệp phải gắn chặt với công tác phòng trừ dịch bệnh; ứng dụng tiến bộ khoa học-kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất; coi trọng công tác dự báo thời vụ, dự báo thị trường; hoàn thiện hệ thống thủy lợi, đặc biệt là công tác giống và kỹ thuật canh tác. Nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả;

- Phát triển Lâm nghiệp đồng bộ cả 2 mặt: Bảo vệ và phát triển vốn tài nguyên rừng. Tích cực hoàn thiện công tác giao đất, khoán rừng. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá trong kinh doanh bảo vệ và phát triển vốn tài nguyên rừng;

- Thủy sản: Tăng năng lực đánh bắt thủy hải sản, bao gồm phát triển công suất tàu thuyền, ngư lưới cụ và phương pháp tổ chức sản xuất. Nuôi trồng thủy sản là hướng phát triển chính của ngành Thủy sản. Kết hợp nuôi thủy sản quy mô công nghiệp, thâm canh với việc nuôi tự nhiên, bán thâm canh cả quy mô vừa và nhỏ theo hộ gia đình;

Tăng cường công tác khuyến ngư, kiểm dịch, thú y thủy sản. Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nuôi trồng thủy sản, sản xuất và cung ứng giống, dịch vụ hậu cần tại cảng cá.

1.2. Phát triển Công nghiệp:

Tập trung đầu tư phát triển các Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Quán Ngang, Khu kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo; các cụm công nghiệp ở các huyện, thị xã.

Triển khai xây dựng và đưa vào hoạt động Nhà máy xi măng lò quay 35 vạn tấn/năm tại Cam Lộ, Nhà máy nghiền Clinker Nam Đông Hà 250.000 tấn/năm, Nhà máy sản xuất bia ở Khu công nghiệp Quán Ngang... Tập trung khai thác một số sản phẩm chính như: Khai thác đá vôi xi măng, đá xây dựng, các loại phụ gia xi măng, than bùn, titan, nước khoáng. Nghiên cứu khảo sát, thăm dò đưa vào quy hoạch để

kêu gọi đầu tư xây dựng Nhà máy xi măng lò quay có công suất trên 1 triệu tấn/năm, Nhà máy sản xuất thủy tinh, pha lê ở Cửa Việt, xúc tiến đầu tư Nhà máy may xuất khẩu ở Đông Hà.

Hoàn thành công trình Thủy lợi- Thủy điện Quảng Trị, tiếp tục điều tra khảo sát tiềm năng để phát triển thủy điện nhỏ.

Đẩy mạnh công tác khuyến công nhằm khuyến khích phát triển sản xuất tiêu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn, tập trung vào các lĩnh vực: Chế biến nông lâm thủy sản; sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu; khôi phục phát triển các làng nghề truyền thống. Triển khai thực hiện Đề án quy hoạch phát triển cụm công nghiệp nông thôn.

Sớm xây dựng và thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động công nghiệp để đáp ứng yêu cầu quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

1.3. Thương mại- Dịch vụ- Du lịch:

Xây dựng chiến lược phát triển Thương mại- Dịch vụ trên tuyến hành lang kinh tế Đông- Tây. Hình thành 2 trung tâm giao dịch thương mại lớn ở Đông Hà và Lao Bảo. Đầu tư phát triển Khu kinh tế cửa khẩu La Lay...

Hướng dẫn các ngành và các địa phương chuẩn bị điều kiện thực hiện các cam kết về thương mại và dịch vụ sau khi gia nhập WTO, các cam kết tự do hoá thương mại và dịch vụ trong khuôn khổ ASEAN đến năm 2010 và giai đoạn tiếp theo.

Chú trọng thị trường nông thôn, phát triển hệ thống các chợ nông sản. Triển khai các mô hình dịch vụ có chất lượng cao như: Siêu thị, vận tải hành khách, dịch vụ ngân hàng... Hoàn thiện cơ bản các chợ trung tâm của các huyện, thị xã tạo động lực thúc đẩy thương mại dịch vụ trong vùng; thực hiện tốt nhiệm vụ cung ứng và tiêu thụ trên thị trường miền núi.

Đẩy mạnh xuất khẩu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản, công nghiệp. Củng cố và mở rộng thị trường, chú trọng thị trường Lào, Thái Lan, Trung Quốc làm cơ sở để mở rộng thị trường xuất khẩu vào các nước Châu Á khác.

Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng ngành Du lịch, sớm đưa một số công trình vào sử dụng trong 5 năm tới như: Hệ thống khách sạn, nhà hàng, đường Hồ Chí Minh huyền thoại. Nghiên cứu phát triển du lịch ở huyện đảo Cồn Cỏ. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu du lịch Cửa Việt- Cửa Tùng- Cồn Cỏ, Khu du lịch sinh thái Khe Sanh- Rào Quán- Đakrông, trầm Trà Lộc ở Hải Lăng, Rú Lịnh ở Vĩnh Linh... kết hợp khai thác tiềm năng du lịch hiện có.

Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch. Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhiệm vụ, mục tiêu phát triển kinh tế du lịch trên địa bàn. Giáo dục ý thức văn hoá du lịch cho cộng đồng.

Về Tài chính- Ngân hàng: Tích cực bồi dưỡng, phát triển các nguồn thu, trong đó nguồn thu từ nội bộ nền kinh tế của tỉnh được xác định là hướng cơ bản lâu dài. Phát triển thị trường bất động sản để tăng nguồn thu ngân sách. Kết hợp các hình thức phát hành cổ phiếu, hợp vốn, liên doanh... để tạo ra các nguồn vốn cho đầu tư phát triển. Phấn đấu đến năm 2010 thu ngân sách trên địa bàn đạt trên 600 tỷ đồng, đảm bảo 45% tổng chi ngân sách địa phương.

1.4. Hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại: Tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại, xúc tiến đầu tư tích cực tìm kiếm, kêu gọi và thu hút đầu tư, đảm bảo nâng cao năng lực quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ODA, FDI, NGO.

- Tiếp tục tăng cường hợp tác kinh tế với các tỉnh bạn Lào, nhất là trong việc trồng cây cao su, trồng rừng nguyên liệu, chế biến bột giấy, cốt ép, giữ vững biên giới hoà bình, hữu nghị và mầu mực. Mở rộng quan hệ với các tỉnh Đông Bắc Thái Lan về đào tạo nhân lực, phát triển du lịch...Thực hiện có hiệu quả chương trình hội nhập kinh tế- quốc tế và tham gia hợp tác phát triển kinh tế trên tuyến hành lang kinh tế Đông Tây.

1.5. Đầu tư phát triển:

Phân đầu huy động tối thiểu nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội là 12.500 tỷ đồng, tăng gần 2, 23 lần so với thời kỳ 2001- 2005.

Trong đó dự kiến cơ cấu đầu tư theo ngành, lĩnh vực như sau:

Công nghiệp:	4.050 tỷ đồng, chiếm 32,4%
Nông nghiệp, thủy sản, CSHT nông thôn:	2.505 tỷ đồng, chiếm 20,04%
Giao thông vận tải:	2.264 tỷ đồng, chiếm 18,11%
Thương mại- Dịch vụ- Du lịch:	960 tỷ đồng, chiếm 7,68%
Cơ sở hạ tầng đô thị:	760 tỷ đồng, chiếm 6,08%
Đầu tư khác:	1.961 tỷ đồng, chiếm 15,69%

- Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị, khu động lực như: Thị xã Đông Hà để trở thành thành phố loại 03 trước năm 2010, Khu kinh tế Thương mại đặc biệt Lao Bảo, Cửa Việt- Cửa Tùng, các khu công nghiệp nhằm tạo bước đột phá cho nền kinh tế. Quan tâm đầu tư phát triển hợp lý vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn...;

- Tiếp tục thực hiện cải cách thủ tục hành chính, bổ sung và hoàn thiện hơn một số cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh tạo môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng, hấp dẫn và giải quyết khó khăn, vướng mắc kịp thời cho các nhà đầu tư;

- Hoàn thành cơ sở hạ tầng 02 Khu công nghiệp Nam Đông Hà và Quán Ngang. Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng các cụm công nghiệp và làng nghề, mỗi huyện, thị xây dựng ít nhất 1 cụm công nghiệp làng nghề;

- Đầu tư nâng cấp công trình thủy lợi Nam Thạch Hãn; đê bao chống úng vùng trũng Hải Lăng, đê cát Hải Lăng- Triệu Phong; kè chống xói lở bờ sông Thạch Hãn, sông Hiếu, sông Bến Hải, sông Ô Lâu, sông Sa Lung; xây dựng các công trình thủy lợi vừa và nhỏ trên cả 03 vùng đồng bằng, gò đồi và miền núi. Tiếp tục thực hiện chương trình kiên cố hoá kênh mương;

- Hoàn thành dự án cải tạo hệ thống cấp nước thị xã Đông Hà, thị xã Quảng Trị, dự án cấp nước các thị trấn, các khu công nghiệp. Phân đầu 100% số thị trấn có hệ thống cấp nước sạch đạt tiêu chuẩn;

- Đầu tư thiết bị nâng cao chất lượng phát thanh- truyền hình. Hoàn thành Bảo tàng tỉnh, Di tích đồi bờ Hiền Lương, Di tích Thành Cổ Quảng Trị (Giai đoạn 2), Sân bay Tà Con, xây dựng Khu di tích Chính phủ cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, triển khai xây dựng Khu di tích lịch sử Cồn Tiên, Dốc Miếu...

2. Phát triển các lĩnh vực Văn hoá- Xã hội

2.1. Giáo dục- Đào tạo:

Thực hiện các nội dung Đề án quy hoạch phát triển Giáo dục- Đào tạo đến năm 2010;

Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục gắn với việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về Giáo dục- Đào tạo. Đổi mới mạnh mẽ phương pháp dạy và học, phương pháp đánh giá, kiểm tra, thi cử. Xây dựng xã hội học tập tạo cơ hội cho mọi người được học tập, nâng cao trình độ;

Đẩy mạnh phát triển hệ thống trường dạy nghề và đào tạo nghề. Huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở vật chất trường học, chú trọng phát triển giáo dục cho vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa; đẩy mạnh công tác xã hội hoá Giáo dục- Đào tạo;

Triển khai thực hiện chương trình đưa Internet vào nhà trường, trước hết ở các trường THPT.

2.2. Y tế, chăm sóc sức khoẻ nhân dân:

Tiếp tục thực hiện Đề án xã hội hoá ngành Y tế.

Tập trung giáo dục về mặt y đức và nâng cao chất lượng công tác khám chữa bệnh. Tăng cường công tác dự phòng, khống chế dịch bệnh có hiệu quả. Thực hiện có hiệu quả chương trình quốc gia về y tế, bảo đảm cho mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế cơ bản, đặc biệt ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, người nghèo. Mở rộng, nâng cấp Bệnh viện đa khoa tỉnh quy mô 300 giường bệnh lên 500 giường bệnh. Đẩy mạnh công tác xã hội hoá bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân. Thực hiện tốt tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm; tăng cường công tác quản lý nhà nước về y tế, nhất là lĩnh vực kinh doanh y dược tư nhân.

Đến năm 2010, giảm tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng xuống dưới 20%; giảm tỷ lệ mẹ chết do thai sản xuống còn 0,4‰; giảm tỷ lệ trẻ em tử vong dưới 1 tuổi xuống còn 12‰; 100% số xã vùng đồng bằng và vùng biển có bác sỹ; 80% xã vùng núi có bác sỹ; có 75- 80% số xã đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.

2.3. Văn hoá- Thông tin, Thể dục- Thể thao:

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng đơn vị văn hoá, gia đình văn hoá đảm bảo tính bền vững, thiết thực. Tăng cường đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá cơ sở, quy hoạch bố trí đất đai cho xây dựng các thiết chế Văn hoá- Thông tin, Thể dục- Thể thao, các khu vui chơi, giải trí...

Tăng cường thực hiện xã hội hoá các hoạt động văn hoá. Đến năm 2010, có 100% số huyện có nhà văn hoá, thư viện, nhà thiếu nhi, khu vui chơi trẻ em, có trung tâm sinh hoạt văn hoá cộng đồng; 80% số làng, bản, đơn vị và 70% số gia đình được công nhận là làng, đơn vị văn hoá và gia đình văn hoá đạt chuẩn.

Từng bước tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp về văn hoá, văn học nghệ thuật, tạo ra nhiều sản phẩm văn hoá đỉnh cao, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của nhân dân, góp phần đấu tranh loại trừ các sản phẩm văn hoá lai căng độc hại và các tệ nạn xã hội.

Nâng cao chất lượng, thời lượng các loại hình báo chí. củng cố, nâng cấp thiết bị và tăng năng lực phục vụ các đài huyện, thị. Chú trọng tuyên truyền phục vụ nông nghiệp, nông thôn và dân tộc.

Tổ chức trọng thể thiết thực các ngày lễ lớn của đất nước, địa phương. Đặc biệt chú trọng lễ kỷ niệm 100 năm ngày sinh cố Tổng Bí thư Lê Duẩn, 35 năm giải phóng Quảng Trị; 60 năm ngày Thương binh liệt sỹ và các sự kiện lớn của tỉnh năm 2007.

Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá Thể dục- Thể thao. Đào tạo, bồi dưỡng huấn luyện viên, vận động viên các môn thể thao thành tích cao như: Điền kinh, cầu lông, cờ vua, thể thao dưới nước, các môn võ và có kế hoạch nâng dần số môn thể thao; phát triển thể thao người khuyết tật. Quan tâm phát hiện và bồi dưỡng tài năng trẻ thể thao .

Đến năm 2010, toàn tỉnh có 22- 25% dân số tập luyện thể dục thể thao thường xuyên, 16- 18% hộ đạt tiêu chuẩn gia đình thể thao. Phần đầu thể thao thành tích cao và thể thao người khuyết tật có huy chương ở các giải toàn quốc và quốc tế...

2.4. Dân số- Gia đình và Trẻ em:

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả chương trình Dân số- Kế hoạch hoá gia đình. Đưa tiêu chí xây dựng gia đình chuẩn mực vào mục tiêu phát triển của các địa phương, các ngành. Mở rộng mô hình làng không sinh con thứ 03. Tiếp tục thực hiện chương trình chăm sóc sức khoẻ sinh sản cho phụ nữ và trẻ em ở vùng sâu, vùng xa.

Chăm lo công tác phục hồi chức năng cho trẻ em tàn tật, chấm dứt tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị lạm dụng tình dục; 100% trẻ em sinh ra đều được khai sinh.

2.5. Giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo và chính sách xã hội:

- Thực hiện có hiệu quả các chương trình đầu tư phát triển kinh tế- xã hội nhằm tạo được nhiều việc làm mới. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu sản xuất, củng cố và phát triển các mô hình kinh tế trang trại, xây dựng các làng nghề, các cơ sở chế biến... ở các vùng nông thôn. Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của Trường Dạy nghề tổng hợp tỉnh và các Trung tâm Dạy nghề huyện. Mở rộng đào tạo nghề cho thanh niên bằng nhiều hình thức. Phần đầu tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 30- 35%, trong đó qua đào tạo nghề đạt 23- 25% vào năm 2010. Tích cực tìm kiếm thị trường lao động, tạo điều kiện cho xuất khẩu lao động. Phần đầu hàng năm tạo việc làm mới trên 8.000 lao động;

- Tiếp tục thực hiện các chủ trương, chính sách hỗ trợ người nghèo như: Trợ giá, trợ cước, giáo dục, y tế, tín dụng, nhà đất, đất sản xuất, nước sinh hoạt... Phần đầu đến năm 2007 cơ bản xoá nhà dột nát cho hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số, năm 2010 cơ bản xoá nhà dột nát cho hộ nghèo thuộc các đối tượng còn lại; đến năm 2010 tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 15%.

2.6. Phát triển khoa học công nghệ:

Đẩy mạnh hoạt động khoa học công nghệ phục vụ có hiệu quả các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh. Cung cấp thông tin, luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chương trình mục tiêu phát triển kinh tế- xã hội. Tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp đổi mới công nghệ. Ứng dụng rộng rãi thành tựu khoa học- công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ sau thu hoạch, các tiến bộ kỹ thuật canh tác, cải tạo đất, phục vụ kịp thời các yêu cầu của sản xuất đời sống xã hội, hội nhập khu vực.

Đổi mới công tác quản lý hoạt động KHCN theo hướng thiết thực, hiệu quả từng bước tạo lập thị trường KHCN trên địa bàn.

2.7. Tài nguyên môi trường: Quản lý, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế, xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững...

Hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm, nâng cao khả năng phòng tránh và hạn chế tác động xấu của thiên tai, của sự biến động khí hậu đối với môi trường; ứng cứu và khắc phục có hiệu quả sự ô nhiễm môi trường do thiên tai gây ra.

Thực hiện công khai hoá về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt để nhân dân biết và thực hiện.

2.8. Thực hiện bình đẳng về giới, nâng cao vị thế của phụ nữ và bảo vệ quyền lợi của trẻ em:

Triển khai thực hiện tốt chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt Nam. Lồng ghép có hiệu quả yếu tố giới vào các chính sách, chương trình hành động quốc gia, các kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội của các cấp, các ngành. Thực hiện nghiêm quy hoạch đào tạo cán bộ nữ, tạo nguồn cán bộ kế cận đáp ứng yêu cầu mới.

2.9. Phát triển thanh niên: Triển khai thực hiện tốt chiến lược quốc gia về phát triển thanh niên, cả về thể lực và trí lực nhằm kế thừa truyền thống của dân tộc.

Tiếp tục thực hiện tốt phong trào phát triển làng thanh niên lập nghiệp, phong trào thanh niên tình nguyện về công tác tại các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, phong trào thanh niên lập nghiệp tại huyện đảo Côn Cỏ, nhân rộng các mô hình làm ăn có hiệu quả của thanh niên...

3. Kết hợp phát triển kinh tế- xã hội với củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội:

Thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trên cơ sở giải quyết hài hoà và gắn kết giữa các nhiệm vụ đẩy mạnh phát triển kinh tế- xã hội với củng cố quốc phòng an ninh.

Xây dựng lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại. Đẩy mạnh phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc. Thực hiện có hiệu quả các chương trình phòng chống tội phạm, phòng chống ma túy và phòng chống các tệ nạn xã hội khác. Nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về quốc phòng an ninh, trật tự an toàn xã hội, giữ vững an ninh biên giới.

Giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách tư pháp, nâng cao hiệu lực điều hành, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp và hoạt động của cơ quan bảo vệ pháp luật, tập trung vào các lĩnh vực: Phổ biến giáo dục pháp luật, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng.

4. Phát động sâu rộng các phong trào thi đua yêu nước, nhân rộng các điển hình tiên tiến nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế- xã hội của kế hoạch 5 năm 2006- 2010 theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV.

III. Tổ chức thực hiện

Thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2006- 2010 là nhiệm vụ của tất cả các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị và các tầng lớp nhân dân.

Ủy ban nhân dân tỉnh đề ra chương trình hành động cụ thể, trình HĐND tỉnh quyết định kế hoạch hàng năm; chỉ đạo các ngành, các cấp chủ động tổ chức thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm 2006- 2010.

Thường trực HĐND, các Ban HĐND và đại biểu HĐND nêu cao trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên thực hiện giám sát, động viên mọi tầng lớp nhân dân phát huy vai trò làm chủ, tích cực thực hiện thắng lợi Nghị quyết.

Nghị quyết này được HĐND tỉnh khoá V, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 22 tháng 7 năm 2006./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Viết Nên